
TRAO ĐỔI

Những thay đổi trong đào tạo giáo viên tại Nhật Bản

Mai Quang Huy*

*Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 12 tháng 11 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 24 tháng 12 năm 2013; chấp nhận đăng ngày 24 tháng 3 năm 2014

Tóm tắt: Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, cùng với việc sắp xếp lại hệ thống giáo dục quốc dân, Nhật Bản đã có những cải cách căn bản đối với hệ thống đào tạo giáo viên: các trường sư phạm truyền thống được sắp xếp lại trong các trường đại học quốc lập, mỗi tỉnh có ít nhất một trường đại học quốc lập có khoa giáo dục. Hệ thống đào tạo giáo viên mới được xây dựng có ba đặc điểm cơ bản là: (1). Tiến hành trong các cơ sở giáo dục đại học; (2). Là hệ thống mở, và (3). Dựa trên hệ thống chứng chỉ. Hệ thống đào tạo này đã đáp ứng nhân lực về giáo dục cho sự phát triển sau chiến tranh. Đáp ứng các yêu cầu thời đại và xã hội Nhật Bản đầu thế kỷ XXI, Nhật Bản đã công bố các văn kiện trình bày về đào tạo giáo viên và hệ thống chứng chỉ dạy học trong tương lai. Trong các văn kiện này, các nguyên tắc “đào tạo giáo viên trong các trường đại học” và “đào tạo giáo viên trong một hệ thống mở” tiếp tục được duy trì với những cải tiến cần thiết để đáp ứng các yêu cầu hiện nay. Ba biện pháp được đưa ra là: (1). Cải tiến các tiêu chuẩn chất lượng trong các chương trình đào tạo giáo viên, (2). Xây dựng các chương trình đào tạo giáo viên ở trình độ sau đại học và (3). Đưa ra hệ thống mới về gia hạn chứng chỉ dạy học..

Từ khóa: Giáo viên, Nhật Bản, chứng chỉ dạy học, phẩm chất và năng lực.

1. Cải cách đào tạo giáo viên sau Chiến tranh thế giới lần thứ II

Ở Nhật Bản, việc đào tạo giáo viên cho hệ thống giáo dục hiện đại bắt đầu từ năm 1872 với việc thành lập các trường sư phạm. Năm 1886, các trường cao đẳng sư phạm được thành lập bổ sung cho hệ thống đào tạo sư phạm. Trường sư phạm có nhiệm vụ đào tạo giáo viên tiểu học, còn trường cao đẳng sư phạm đào tạo giáo viên trung học và giáo viên cho các trường sư phạm.

The Inoue (1975), cải cách đào tạo giáo viên tại Nhật Bản sau Chiến tranh Thế giới lần thứ II được tiến hành theo ảnh hưởng của Hoa

Kỳ do Nhật Bản bị quân đội Hoa Kỳ chiếm đóng. Vào năm 1946 phái đoàn giáo dục Hoa Kỳ tới khảo sát Nhật Bản đã đưa ra báo cáo với các đề xuất: giáo viên phải được đào tạo trong các trường đại học hoặc cao đẳng đa ngành, chương trình đào tạo giáo viên bao gồm ba phần là giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp và kiến thức về nghề dạy học. Sau các thảo luận, các chuyên gia Hoa Kỳ và Nhật Bản đã đi tới quyết định bốn nguyên tắc sau liên quan tới việc đào tạo giáo viên: Giáo viên được đào tạo trong một trường đại học đa ngành; Mỗi tỉnh, thành (*tô, đô, fu, ken*) thành lập ít nhất một trường đại học quốc lập (National University) trong đó có một khoa chịu trách nhiệm về đào tạo giáo viên; Trong trường đại học quốc lập

*ĐT: 84-4-35539606 (209)
Email: huymq@vnu.edu.vn

thành lập khóa học hai năm để đào tạo giáo viên cho bậc phổ cập, và ban hành Luật Chứng chỉ nhân sự Giáo dục để quy định yêu cầu cho nghề giáo và điều chỉnh các khung chương trình trong các lĩnh vực kiến thức như khoa học cơ bản và khoa học giáo dục [1].

Trên cơ sở các đạo luật về giáo dục như Luật Cơ bản về Giáo dục, Luật Giáo dục nhà trường và Luật Chứng chỉ nhân sự Giáo dục, hệ thống giáo dục đại học mới được hình thành, hệ thống đào tạo giáo viên trong các trường sư phạm bị hủy bỏ. Để tạo ra nguồn nhân lực với tầm nhìn rộng, với kiến thức chuyên môn và kỹ năng cao, mỗi tỉnh, thành đã thành lập ít nhất một trường đại học quốc lập. Theo các đạo luật về giáo dục được ban hành, 249 cơ sở giáo dục đại học và chuyên nghiệp được hợp nhất thành 68 trường đại học quốc lập. Các trường đại học quốc lập này có khoa giáo dục hoặc trường đào tạo giáo viên, để đào tạo giáo viên cho giáo dục mầm non, tiểu học và trung học [2]. Mặc dù về nguyên tắc các khóa đào tạo giáo viên ở Nhật Bản được thực hiện trong bốn năm, nhưng Nhật Bản đã nhanh chóng hình thành các khóa học đào tạo giáo viên hai năm để đáp ứng nhu cầu về giáo viên cho bậc phổ cập (tiểu học và trung học cơ sở). Năm 1952, các khóa học này được chia làm hai nhánh: một nhánh đào tạo giáo viên tiểu học và nhánh kia đào tạo giáo viên trung học cơ sở. Các khóa đào tạo giáo viên hai năm đã được chấm dứt vào năm 1963 khi nhu

cầu về giáo viên cho bậc học phổ cập về cơ bản đã được giải quyết [3].

Cùng với việc đào tạo giáo viên trong các trường đại học quốc lập, các cơ sở giáo dục đại học công lập (public - trường do các tỉnh hoặc thành phố trực thuộc tỉnh thành lập), tự thực đều có thể tham gia một cách bình đẳng trong việc đào tạo giáo viên của hệ thống này bằng cách trang bị cho sinh viên số tín chỉ theo quy định của Luật Chứng chỉ nhân sự Giáo dục để họ có thể tham dự các kì thi lấy chứng chỉ dạy học. Để trở thành giáo viên, ngoài việc hoàn thành một chương trình đào tạo giáo dục đại học hoặc thạc sĩ, người học phải hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên được quy định trong Luật Chứng chỉ nhân sự Giáo dục, và tham gia kì thi cấp chứng chỉ dạy học do Hội đồng Giáo dục các tỉnh, thành tổ chức. Các chứng chỉ này được chia thành ba hạng là chuyên môn (*sensyu*), hạng nhất và hạng hai tùy thuộc trình độ của người dự thi. Chứng chỉ dạy học mầm non và tiểu học cho phép dạy học tất cả các môn học, chứng chỉ dạy học trung học cơ sở và trung học phổ thông và trung học nghề cho phép dạy một môn học [4]. Từ năm 1998, Nhật Bản đưa vào hệ thống giáo dục loại hình trường trung học liên cấp sơ trung và cao trung. Để được giảng dạy ở cả hai cấp học trong trường, giáo viên phải có cả hai loại chứng chỉ dạy học [5].

Kawakami (2005) đã tóm tắt các cơ sở đào tạo giáo viên và các chứng chỉ có thể đạt được trong Bảng 1 dưới đây [6].

Bảng 1: Hệ thống đào tạo giáo viên và cấp phép dạy học ở Nhật Bản

Cơ sở giáo dục đại học	Văn bằng	Chứng chỉ giảng dạy
Trường cao đẳng công lập và tư thực	Cao đẳng	Chứng chỉ hạng hai cho việc giảng dạy mầm non, tiểu học và trung học cơ sở
48 trường đại học quốc lập có khoa giáo dục (trừ đại học quốc lập Tottori không đào tạo giáo viên tiểu học và trung học cơ sở)	Cử nhân	Chứng chỉ hạng nhất cho việc giảng dạy mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học nghề
Trường đại học quốc lập, công lập và tư thực khác	Cử nhân	Chứng chỉ hạng nhất cho việc giảng dạy mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học nghề
Các trường đại học cung cấp các chương trình ở trình độ thạc sĩ (chủ yếu là 48 trường đại học quốc lập có khoa giáo dục)	Thạc sĩ	Chứng chỉ cao cấp cho việc giảng dạy mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học nghề.

Theo Numano (2010), tại thời điểm ngày 1 tháng 5 năm 2008, Nhật Bản có 582/729 trường đại học (trong đó có 47/73 trường đại học quốc lập), 423/597 cơ sở đào tạo sau đại học và

277/385 trường cao đẳng có các khóa đào tạo giáo viên. Tức là có trên 70% số cơ sở giáo dục đại học có các khóa đào tạo giáo viên.

Bảng 2: Yêu cầu đối với các loại chứng chỉ dạy học

Loại chứng chỉ dạy học	Yêu cầu cơ bản về trình độ được đào tạo	Số tín chỉ tối thiểu			
		Chuyên môn	Sư phạm	Bổ sung (chuyên môn/sư phạm)	
Trường mẫu giáo	Cao cấp	Thạc sĩ	6	35	34
	Hạng nhất	Đại học	6	35	10
	Hạng hai	Cao đẳng	4	27	
Trường tiểu học	Cao cấp	Thạc sĩ	8	41	34
	Hạng nhất	Đại học	8	41	10
	Hạng hai	Cao đẳng	4	31	2
Trường trung học sơ trung	Cao cấp	Thạc sĩ	20	31	32
	Hạng nhất	Đại học	20	31	8
	Hạng hai	Cao đẳng	10	21	4
Trường trung học cao trung	Cao cấp	Thạc sĩ	20	23	40
	Hạng nhất	Đại học	20	23	16

Cũng theo Luật về chứng chỉ nhân sự giáo dục, trong các chương trình đào tạo giáo viên, cùng với số tín chỉ cho các học phần giáo dục chuyên nghiệp (xem bảng 2), còn có phần giáo dục đại cương gồm 4 học phần Hiến pháp Nhật Bản, Thể dục, Giao tiếp bằng tiếng nước ngoài và Sử dụng công cụ tin học, mỗi học phần này gồm 2 tín chỉ.

Chứng chỉ dạy học gồm ba loại là phổ thông, đặc biệt và tạm thời. Chứng chỉ phổ thông là loại thông dụng nhất và thường được xem như “giấy phép dạy học”. Chứng chỉ này được cấp bởi Hội đồng Giáo dục các tỉnh, thành phố cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo giáo viên trong các trường đại học hoặc các cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục, Văn hóa, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (Monbukagakusho) cho phép đào tạo giáo viên. Chứng chỉ này có hiệu lực trên cả nước Nhật Bản và có giá trị trong 10 năm, sau đó có thể được gia hạn bằng việc tham dự một khóa đào tạo gia hạn chứng chỉ dạy học tại trường đại học. Chứng chỉ phổ thông chia thành ba hạng là chuyên môn, hạng nhất và hạng hai phụ thuộc vào trình độ được đào tạo của ứng viên.

Để nhận được chứng chỉ chuyên môn, giáo viên phải có bằng thạc sĩ, và tích lũy nhiều hơn số tín chỉ quy định ở trường sau đại học cùng với số tín chỉ quy định cho hạng nhất. Để có thể nhận được chứng chỉ hạng nhất, ứng viên phải có một văn bằng cử nhân và phải tích lũy được tối thiểu số tín chỉ quy định cho hạng nhất tại các trường đại học. Chứng chỉ hạng hai được cấp cho người có trình độ cao đẳng và tích lũy đủ số tín chỉ về chuyên môn và sư phạm. Người có chứng chỉ hạng hai luôn được yêu cầu nâng cấp lên chứng chỉ hạng nhất theo cách thức phù hợp nhất [7].

Nhật Bản chỉ ra ba đặc trưng đối với hệ thống đào tạo giáo viên của họ. Thứ nhất, đào tạo giáo viên được tiến hành trong các trường đại học đa ngành. Để trở thành giáo viên, điều đầu tiên là ứng viên phải hoàn thành một chương trình giáo dục đại học. Thứ hai, đào tạo giáo viên được tiến hành trong một hệ thống mở: các cơ sở giáo dục đại học nếu có đủ điều kiện đều được tổ chức các khóa đào tạo phần chuyên môn và nghiệp vụ chuẩn bị cho việc thi lấy chứng chỉ dạy học. Thứ ba, dựa trên hệ

thống chứng chỉ: để trở thành giáo viên sau khi học xong các chương trình đào tạo phải tham dự một bài thi lấy chứng chỉ dạy học do Hội đồng Giáo dục tỉnh thành tổ chức [8, 9].

Theo Arimoto (2002), quá trình học tập để trở thành giáo viên ở Nhật Bản tập trung vào việc làm cho những kinh nghiệm thực tiễn của người đi trước thích nghi với nhu cầu của họ. Những người mới bắt đầu nghề dạy học thường cố gắng tạo lập phong cách dạy học của mình thông qua quá trình thử - và - sai lặp đi lặp lại. Giáo viên tập sự học giảng dạy thông qua thực hành nhóm, lập luận quy nạp và tự nhận thức để lĩnh hội những kỹ năng mới. Sinh viên sư phạm được khuyến khích tham gia các hoạt động giáo dục trong các nhà trường phổ thông như các sự kiện nghi lễ, thi đấu thể dục thể thao, hoạt động văn hóa nghệ thuật, những chương trình nghiên cứu tự nhiên ... Những hoạt động đặc biệt này bao gồm cả các hoạt động được thiết kế để tạo điều kiện phát triển kỹ năng sống và sự hợp tác trong sinh viên, như những cuộc thi thể thao toàn trường hay những hoạt động câu lạc bộ do chính sinh viên tự đứng ra tổ chức. Mỗi trường đều có một ban làm nhiệm vụ nối kết những mục tiêu học tập với việc tổ chức các nhóm nghiên cứu và những bài học thảo luận. Sinh viên được yêu cầu quan sát các bài học thảo luận này như một giờ học chính thức thông qua tham gia thực tế ở vòng ngoài để hiểu một thành viên trong cộng đồng hoạt động trong thực tiễn như thế nào. Xu hướng này đặc biệt được coi trọng trong các trường thực nghiệm

Việc đào tạo tiếp tục cho các giáo viên mới được bắt đầu từ năm 1989. Các trường đại học có vai trò chủ yếu trong việc giúp sinh viên có được những phẩm chất và năng lực tối thiểu của giáo viên, còn việc đào tạo tiếp tục là cơ hội chủ yếu để các giáo viên mới tăng cường năng lực thực hành và trau dồi phẩm chất nghề nghiệp. Những năm đầu dạy học có vai trò đặc biệt quan trọng đối với giáo viên mới vì họ

được kết nối đào tạo ban đầu ở trường đại học với thực tiễn sinh động ở trường phổ thông. Việc đào tạo tiếp tục được thực hiện đối với tất cả giáo viên mới trong các trường quốc lập và công lập trong vòng một năm sau khi được tuyển dụng, và Hội đồng Giáo dục tỉnh thành triển khai thực hiện, nhằm mục đích giúp các giáo viên có được nhận thức đầy đủ về nghề giáo viên và có thái độ phát triển các hoạt động giáo dục một cách độc lập. Chương trình đào tạo này trải dài trong cả năm học với mỗi tuần hai ngày (hoặc khoảng 60 ngày) và được tiến hành ở trường phổ thông, những giáo viên mới nhận được các hướng dẫn từ các giáo viên có kinh nghiệm, và mỗi tuần một ngày (hoặc khoảng 30 ngày) được giành cho việc dự giờ, xemina và các khóa huấn luyện thực tế khác nhau bao gồm cả các cuộc hội thảo được tổ chức tại các trung tâm giáo dục của các cơ sở khác bên ngoài trường học. Sau chương trình này, các giáo viên mới báo cáo các kết quả về những điều họ đã có thể có nhận thức về sứ mạng và ý thức trách nhiệm đối với giáo viên, học cách vận hành một giờ học, quản lý lớp học, và thiết lập mối quan hệ với trẻ em, và có các kinh nghiệm khác. Người ta cũng nhận thấy rằng các giáo viên mới có thể cải thiện đáng kể phẩm chất và năng lực của họ khi tham gia một các tích cực và tự nguyện vào quá trình đào tạo này [10].

2. “Đào tạo giáo viên và hệ thống chứng chỉ dạy học trong tương lai”: Những định hướng đối với đào tạo giáo viên đầu thế kỷ XXI

Trên trang Web của Viện Nghiên cứu giáo dục quốc gia, Numano (2010) đã cụ thể hóa hai vấn đề liên quan đến việc đào tạo giáo viên. Thứ nhất, do những thay đổi trong môi trường xã hội của trẻ em, giáo viên cần đáp ứng được các thách thức ngày càng gia tăng như việc cung cấp các tư vấn giáo dục cho các học sinh bị lôi cuốn vào các hiện tượng bạo lực và bắt nạt ở

trường học, hỗ trợ cho trẻ em cần sự trợ giúp đặc biệt, và năng lực của các gia đình và cộng đồng trong việc giúp đỡ trẻ em đang bị suy giảm. Thứ hai, nếu nhìn vào cấu trúc độ tuổi của đội ngũ giáo viên hiện tại, người ta ước tính rằng 34% hay 200.000 giáo viên sẽ nghỉ hưu trong 10 năm tới, trong khi một số lượng lớn giáo viên vẫn đang thực hiện nhiệm vụ dạy học. Do đó, cả về số lượng và chất lượng, đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ giáo viên chất lượng cao trở nên một vấn đề cực kì quan trọng [11].

Tuần báo The Japan Time ngày 29 tháng 9 năm 2012 đề cập đến vấn đề “các giáo viên của Nhật Bản nhìn chung có học vị thấp hơn giáo viên ở các nước phát triển khác”. Tờ báo viết: “Không thể nói rằng học vị sẽ tự động làm cho ai đó trở nên một giáo viên tuyệt vời hoặc các giáo viên không có học vị sẽ trở nên tồi tệ hơn. Giáo viên giỏi có nhiều phẩm chất khác như lòng từ bi, kiên nhẫn và sáng tạo mà những phẩm chất đó không thể phát triển được nếu thiếu việc đào tạo chính thức. Nhưng giáo viên có thể phát triển những phẩm chất và làm cho chúng có khả năng ứng dụng lớn hơn bằng cách nghiên cứu các lí thuyết về giáo dục và chuyên môn của họ theo những cách có hệ thống và chặt chẽ. Hiện nay, phần lớn các giáo viên tiểu học và trung học ở Nhật Bản chỉ có bốn năm học ở cấp đại học. Khi thế giới trở nên phức tạp hơn, điều này dường như không còn đủ để đáp ứng những thách thức mới đến học sinh” [12].

Những vấn đề nêu trên đã đặt ra yêu cầu đưa ra những thay đổi cần thiết trong việc đào tạo giáo viên. Hệ thống đào tạo giáo viên tại Nhật bản được thiết lập từ sau Chiến tranh Thế giới thứ II đã hoạt động trên nửa thế kỉ, và cần có những thay đổi phù hợp để đáp ứng với điều kiện mới. Bước sang thế kỷ XXI, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản đã công bố một số văn kiện định hướng cho những thay đổi trong hệ thống này để đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội Nhật Bản và bối cảnh

quốc tế. Trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn kiện: “Hình thành hệ thống giáo dục phổ cập cho thời đại mới” (2005), “Đào tạo giáo viên và hệ thống chứng chỉ dạy học trong tương lai” (2006) định hướng cho những thay đổi trong việc đào tạo và tuyển dụng giáo viên. Tiếp đó, tháng 6 năm 2007, Luật Chứng chỉ nhân sự Giáo dục được sửa đổi. Trong các văn kiện này, các nguyên tắc “đào tạo giáo viên trong các trường đại học” và “đào tạo giáo viên trong một hệ thống mở” tiếp tục được duy trì với những cải thiện nhất định.

Văn kiện “Đào tạo giáo viên và hệ thống chứng chỉ dạy học trong tương lai” gồm hai phần lớn là Cách tiếp cận cơ bản về cải cách đào tạo giáo viên và hệ thống cấp phép, và Những biện pháp cụ thể về cải cách đào tạo giáo viên và hệ thống cấp phép. Theo văn kiện, việc áp dụng các nguyên tắc “đào tạo giáo viên trong các trường đại học” và “đào tạo giáo viên trong hệ thống mở” từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã tạo ra đội ngũ giáo viên có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phổ cập, mở rộng giáo dục và phát triển xã hội, nhưng khi xem xét các chương trình đào tạo giáo viên trong các trường đại học, có thể chỉ ra ba vấn đề sau: Thứ nhất, tuy việc xây dựng mô hình người giáo viên trong việc đào tạo ở các trường đại học là một việc cần thiết, hiện tại ở các trường đại học đang xác lập và theo đuổi triết lí này đối với việc đào tạo giáo viên, nhưng qua các chương trình đào tạo giáo viên chưa làm rõ được các mức độ tối thiểu về phẩm chất và năng lực mà sinh viên sẽ có được sau quá trình đào tạo. Thứ hai, chương trình đào tạo giáo viên dù được nhận thức có mục đích đào tạo giáo viên, những người làm việc mang tính chuyên nghiệp cao nhưng vì chưa có sự thống nhất giữa các giảng viên các trường đại học nên sự phân chia các học phần trong chương trình đào tạo thành “các học phần chuyên môn” và “các học phần sư

phạm” chưa được lí giải đầy đủ, vì vậy trong việc biên soạn chương trình, tính phù hợp và tính liên tục của nội dung giữa các học phần chưa được xem xét đầy đủ, việc biên soạn nội dung có thể là chưa được làm tương xứng. Như Iwata (2004) chỉ ra là các giảng viên giảng dạy về khoa học cơ bản và giảng viên giảng dạy khoa học giáo dục thường có xu hướng nhấn mạnh hơn vai trò lĩnh vực mình giảng dạy trong đào tạo giáo viên [13]. Thứ ba, việc học tập thiên lệch nhiều về tính chuyên môn của các lĩnh vực nghiên cứu của các giảng viên đại học, do vậy các vấn đề nảy sinh trong thực tế các trường phổ thông không được chú ý đầy đủ. Mặt khác, phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, bên cạnh việc luyện tập hay thực nghiệm, thực tập chưa được coi trọng đúng mức, việc tổ chức các bài giảng mẫu của các giáo viên có kinh nghiệm còn hạn chế, việc đào tạo năng lực dạy học mang tính thực tiễn chưa được đáp ứng đầy đủ. Điều này càng được nhận thấy rõ trong các chương trình trình độ thạc sĩ [14].

Dựa trên những phân tích thực trạng và vấn đề trong đào tạo giáo viên, hệ thống chứng chỉ nghề nghiệp như trên, những phân tích bối cảnh quốc tế, và xã hội Nhật Bản đương đại, văn kiện đã chỉ ra yêu cầu về phẩm chất và năng lực cần thiết ở mức độ tối thiểu đối với giáo viên. Những phẩm chất và năng lực được yêu cầu đối với giáo viên trong mọi thời đại bao gồm ý thức về sứ mệnh đối với một nhà giáo dục, hiểu biết sâu sắc về sự trưởng thành và phát triển của con người, tình yêu thương mang tính giáo dục đối với trẻ em, kiến thức chuyên môn vững vàng, nền tảng văn hóa rộng và phong phú, năng lực tổ chức thực hiện có tính thực tiễn dựa trên các điều căn bản nói trên vv... Những phẩm chất và năng lực đặc biệt cần thiết cho giáo viên trong tương lai bao gồm phẩm chất và năng lực để hành động trên quan điểm toàn cầu (sự hiểu biết thích hợp liên quan đến toàn cầu, quốc gia và con người, tính nhân loại phong phú, những

phẩm chất và năng lực cơ bản cần thiết để tồn tại trong xã hội quốc tế), những phẩm chất và năng lực đối với các thành viên xã hội để sinh tồn trong xã hội có nhiều biến động (năng lực phát hiện vấn đề, năng lực xây dựng và duy trì quan hệ, tri thức và kĩ năng để thích ứng với sự biến động của xã hội), những phẩm chất và năng lực đòi hỏi đương nhiên đối với nghề nghiệp của giáo viên (kiến thức, kĩ năng và thái độ để dạy học, giáo dục học sinh; ý thức đoàn kết, lòng tự hào và tình yêu đối với nghề giáo; những hiểu biết đầy đủ về bản chất của thiếu nhi - học sinh và việc giáo dục) [15].

Trước đó, văn kiện: “Hình thành hệ thống giáo dục phổ cập cho thời đại mới” đã nêu ra ba tiêu chuẩn đối với giáo viên: Thứ nhất, có niềm đam mê mạnh mẽ đối với việc giảng dạy thể hiện ở niềm tự hào và trách nhiệm đối với các công việc của người giáo viên, tình yêu và trách nhiệm đối với trẻ em ...; Thứ hai, giáo viên là lực lượng chuyên gia đáng tin cậy về giáo dục thể hiện ở năng lực hiểu biết trẻ em, năng lực quản lí giáo dục học sinh, khả năng tổ chức hoạt động tập thể, khả năng tạo sức mạnh cho lớp học sinh, năng lực dạy học và tổ chức các hoạt động học tập, năng lực giải thích các tài liệu học tập...; Thứ ba, giáo viên là nguồn nhân lực tổng hợp thể hiện ở các phẩm chất nhân cách như nhân tính và xã hội tính phong phú, khả năng quan hệ lễ phép với mọi người, năng lực giao tiếp và hợp tác với giáo viên trong trường và với toàn thể giáo viên [16].

Để đào tạo và duy trì đội ngũ giáo viên có được những phẩm chất và năng lực như trên, hai cải cách được đề ra là: Cải cách chương trình đào tạo giáo viên ở trường đại học nhằm đảm bảo chắc chắn việc có được các phẩm chất năng lực cần thiết tối thiểu cho một giáo viên; và cải cách hệ thống chứng chỉ dạy học để đảm bảo chắc chắn các phẩm chất năng lực tối thiểu đối với giáo viên trong suốt cuộc đời dạy học của họ. Ba biện pháp cụ thể để cải cách đào tạo và sử dụng giáo viên được nêu ra là:

Cải tiến các tiêu chuẩn chất lượng đối với các chương trình đào tạo giáo viên để đảm bảo cho người học hình thành nên các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong giai đoạn học đại học. Hiện nay, Nhật Bản có khoảng 800 trường đại học (bao gồm cả các trường, khoa sau đại học) và cao đẳng có các chương trình đào tạo giáo viên, nếu đặt trọng tâm của việc đào tạo giáo viên vào giai đoạn đại học thì việc đầu tiên rất quan trọng là phát triển và cải tiến các chương trình đào tạo giáo viên ở giai đoạn này. Để cho ở thời điểm tốt nghiệp đại học, người học có được các phẩm chất và năng lực cần thiết của người giáo viên thì trong các chương trình đào tạo giáo viên việc đưa họ đến với thực tế của các trường phổ thông có vai trò quan trọng, giúp người học nhanh chóng đáp ứng yêu cầu của xã hội và của nhà trường.

Xây dựng các chương trình đào tạo giáo viên ở trình độ sau đại học nhằm chuẩn bị một lực lượng giáo viên có trình độ chuyên môn cao hơn. Trong những năm gần đây, sự biến đổi nhanh chóng của cơ cấu xã hội và sự đa dạng, phức tạp của các vấn đề nảy sinh trong giáo dục nhà trường đòi hỏi giáo viên phải là lực lượng được đào tạo ở trình độ chuyên môn cao hơn, có tính cá nhân và tính xã hội phong phú hơn. Để đáp ứng yêu cầu này, việc đào tạo giáo viên trong các chương trình đào tạo sau đại học là cần thiết, và được xem là một mô hình trong việc cải tiến các chương trình đào tạo giáo viên.

Đưa ra hệ thống mới về việc gia hạn chứng chỉ giảng dạy để đảm bảo duy trì các phẩm chất và năng lực cần thiết đối với giáo viên sau giai đoạn đào tạo. Ngày nay, do các vấn đề nảy sinh trong giáo dục nhà trường thay đổi liên tục, việc duy trì các phẩm chất và năng lực của người giáo viên đã được xác lập trong quá trình đào tạo càng trở nên cần thiết hơn. Vì vậy, sau khi có được các chứng chỉ giáo viên, việc duy trì các phẩm chất và năng lực đối với giáo viên được yêu cầu thường xuyên thông qua các biện

pháp mang tính thể chế là một việc làm cần thiết.

Liên quan tới việc cải tiến các chương trình đào tạo giáo viên ở trình độ đại học, văn kiện đưa ra ba nội dung cụ thể sau:

Cải thiện và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo giáo viên qua việc tăng cường vai trò của học phần “hướng dẫn giáo chức”. Từ nay, tại các chương trình đào tạo giáo viên được công nhận ở các trường đại học, phải thực hiện một cách toàn diện hơn học phần “hướng dẫn giáo chức”, giúp người học tổng hợp một cách hữu cơ các kiến thức và kỹ năng, hình thành những phẩm chất và năng lực để có thể dạy học và giáo dục học sinh. Theo quy định của pháp luật, bằng cách làm rõ việc thực thi học phần này, việc xúc tiến các nỗ lực mang tính kế hoạch và thiết thực ở các trường đại học trở nên cần thiết hơn. Để hiện thực hóa triết lý đối với việc đào tạo giáo viên, khi biên soạn các chương trình mang tính kế hoạch - tính hệ thống, phải lưu ý đến những liên quan khi thực hiện học phần “hướng dẫn giáo chức”, các trường đại học phải đặc biệt coi trọng những nỗ lực mang tính tổ chức với tư cách là trường đại học.

Xây dựng học phần bắt buộc với tên gọi dự kiến “Thực hành thực tiễn nghề giáo viên” để xác nhận việc hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên. Để giúp người học hình thành nên các phẩm chất và năng lực tối thiểu của người giáo viên, văn kiện đề xuất việc đưa vào chương trình đào tạo giáo viên học phần bắt buộc với tên gọi tạm dự kiến là “Luyện tập các thực tiễn của giáo chức”. Học phần này sẽ bao gồm bốn vấn đề là: Lòng yêu nghề, ý thức về sứ mệnh và trách nhiệm, Năng lực quan hệ đối với cá nhân và mang tính xã hội, Hiểu biết về thiếu nhi và học sinh, và Năng lực quản lý các vấn đề chuyên môn. Việc triển khai học phần này được thực hiện qua tổ hợp các hình thức, phương pháp như luyện tập (ví dụ xây dựng giáo án, tập giảng, hướng dẫn tại

hiện trường,...), nghiên cứu trường hợp, thảo luận nhóm thông qua hình thức hợp tác với một số giáo viên có kinh nghiệm, được tiến hành ở năm học cuối cùng.

Đưa ra hệ thống đánh giá sau và tăng cường việc thẩm tra công nhận đối với các chương trình đào tạo giáo viên. Chương trình đào tạo giáo viên được vận hành một cách hợp lý thì việc kiểm tra thường xuyên và kiểm tra sau quá trình đào tạo, đưa ra các cơ chế khuyến khích việc cải tiến cần được coi trọng, cần xem xét cả các đánh giá từ bên ngoài và đánh giá từ bên thứ ba. Để duy trì và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo giáo viên, việc thẩm định để công nhận các chương trình được chú trọng. Sau khi công nhận nếu các chương trình có những vi phạm pháp luật sẽ nhận được những khuyến cáo yêu cầu sửa chữa hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận [17].

Tài liệu tham khảo

- [1] Inoue H., The historical background and reforms of teacher training. Education in Japan, Journal for overseas, Hiroshima University, Vol.VIII, 1975.
- [2] Numano T., Teacher Training and Certificate System, 2010.
http://www.nier.go.jp/English/EducationInJapan/Education_in_Japan/Education_in_Japan_file
- [3] Inoue H., op. cit.
- [4] Japan Association of Universities of Education, Teacher Training in Japan, Dai-ichi Hoki Publishing, 1986.
- [5] Numano T., op. cit.
- [6] Kawakami S., Teacher Training in Japan, School Education Improvement, Aichi University of Education, 2005.
- [7] Numano T., op. cit.
- [8] Japan Association of Universities of Education, op. cit.
- [9] Iwata Y., Recent Trends on Teacher Education in Japan, Presented at Capital Normal University, Beijing China on 23, October 2004.
[http://www.u-gakugei.ac.jp/~curriect/about/gakugei.ac.jp/~curriect/about/iwata.info/20041023 beijing.pdf](http://www.u-gakugei.ac.jp/~curriect/about/gakugei.ac.jp/~curriect/about/iwata.info/20041023%20beijing.pdf).
- [10] Arimoto M., Teacher Education Colleges and Institutions in Japan at a Crossroads: Challenges and Opportunities for the 21st Century, AsiaPacific Journal of Teacher Education & Development, 5(2) 2002, 75.
- [11] Numano T., op. cit.
- [12] Improving teacher education is the basis of quality education, From The Japan Times, September 16 issue, September 29, 2012.
- [13] Iwata Y., op. cit.
- [14] Monbukagakusho, Kongo no kyōin yōsei menkyo seido no arikata ni tsuite (Hệ thống đào tạo giáo viên và chứng chỉ dạy học trong tương lai) (tiếng Nhật).
http://www.mext.go.jp/b_menu/shingi/chukyo/c_hukyo0/toushin/05120802.htm.
- [15] Ibid.
- [16] Monbukagakusho, Atarashī jidai no gimukyōiku o sōzō suru (Hình thành hệ thống giáo dục phổ cập cho thời đại mới) (tiếng Nhật).
http://www.mext.go.jp/b_menu/shingi/chukyo/c_hukyo0/toushin/05102601/005.htm.
- [17] Monbukagakusho, Hệ thống đào tạo giáo viên và chứng chỉ dạy học trong tương lai.
http://www.mext.go.jp/b_menu/shingi/chukyo/c_hukyo0/toushin/05120802.htm.

Changes in Teacher Training in Japan

Mai Quang Huy

*VNU University of Education,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Since the end of the Second World War, together with the re-arrangement of the national educational system, Japan has had the fundamental reforms of the teacher training system: the traditional pedagogical schools were re-arranged within the State-run universities, each prefecture had at least a State-run university that had an education department. The newly built teacher training system has 3 fundamental characteristics: 1/ It is carried out in the university educational institutions; 2/ it is an open system, and 3/ it is based on the certificate system. This system has provided adequate educational manpower to post-war development. In order to meet the epochal and social demands, in the beginning of the 21 century, Japan has made public the documents on what the teacher training and the teaching certificate system should look like in the future. In these documents, the principles of teacher training in universities and in the open system should be maintained with the necessary improvements so as to meet the current requirements. Three specific measures were proposed as follows: 1/ improvement of quality standards in the teacher training programs, 2/ building the teacher training programs at the post-graduate level and 3/ introduction of the new system concerning the extension of of the teaching certificates.

Keywords: Teacher, Japan, teaching certificate, qualities and competencies.